

## BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG

MÃ NGÀNH: 7720301

(Ban hành kèm theo Quyết định số 933 /QĐ-NTT ngày 03 tháng 08 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

**1. Tên ngành đào tạo:**

- Tên tiếng Việt: Điều dưỡng
- Tên tiếng Anh: Nursing

**2. Trình độ đào tạo:** Đại học

**3. Loại hình đào tạo:** Chính quy

**4. Khóa học áp dụng:** từ khóa 2021

**5. Thời gian đào tạo (dự kiến):** 4 năm

**6. Tên văn bằng tốt nghiệp:** Bằng Cử nhân ngành Điều dưỡng

**7. Tên đơn vị cấp bằng:** Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

**8. Đơn vị đào tạo**

+ Khoa Điều dưỡng

+ Địa chỉ văn phòng: Lầu 4, 300A Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Tp.HCM

+ Điện thoại liên lạc: 19002039 (Số nội bộ: 327)

**9. Các tiêu chí tuyển sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo**

Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của Bộ GD&ĐT

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Bộ giáo dục và Đào tạo.

➤ Phương thức 1: Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT 2021 theo tổ hợp môn.

➤ Phương thức 2: Xét tuyển kết quả học bạ đạt 1 trong các tiêu chí:

- o Tổng ĐTB 1 HK lớp 10+ ĐTB 1 HK lớp 11+ ĐTB 1 HK lớp 12 đạt từ 18 trở lên  
(được chọn điểm cao nhất trong 2 HK của mỗi năm học)
- o Tổng ĐTB 5 HK: ĐTB\_HK1 lớp 10+ ĐTB\_HK2 lớp 10+ ĐTB\_HK1 lớp 11+ ĐTB\_HK2 lớp 11+ ĐTB\_HK1 lớp 12 đạt từ 30 trở lên.
- o Điểm tổ hợp các môn xét tuyển lớp 12 đạt từ 18 trở lên.
- o Điểm Trung bình cả năm lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên.

➤ Phương thức 3: Xét tuyển kết quả bài thi kiểm tra đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP HCM từ 550 điểm trở lên.

➤ Phương thức 4: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển các thí sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia, Kỳ thi tay nghề Asean và quốc tế; xét tuyển các thí sinh người nước ngoài đủ điều kiện học tập hoặc theo diện cử tuyển.

*Riêng với điều kiện xét tuyển các ngành sức khỏe áp dụng theo quy định về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ GD&ĐT.*

#### 10. Thông tin về các chứng nhận kiểm định

- Đạt chứng nhận 4 sao do Tổ chức Xếp hạng QS World University Ranking cấp năm 2019;
- Đạt kiểm định cấp cơ sở giáo dục theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ giáo dục & Đào tạo ngày 3/5/2017 do Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (VNU – HCM CEA) cấp;

#### 11. Các năng lực của sinh viên tốt nghiệp

- GA1: Kỹ năng thực hành chăm sóc sức khỏe
- GA2: Kỹ năng quản lý công tác chăm sóc sức khỏe;
- GA3: Kỹ năng hành nghề theo pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp.

#### 12. Mục tiêu đào tạo

- PEO1: Đào tạo Cử nhân Điều dưỡng có phẩm chất chính trị tốt, có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn
- PEO2: Có kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức chuyên môn vững chắc
- PEO3: Có năng lực và kỹ năng thực hành nghề thành thạo theo tiêu chuẩn năng lực nghề điều dưỡng
- PEO4: Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tổ chức và quản lý các hoạt động điều dưỡng
- PEO5: Có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học vươn lên; có sức khỏe nhằm đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân

#### 13. Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp (SVTN) ngành Điều dưỡng có:

**ELO1 (K1):** Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, văn hóa, chính trị, pháp luật, và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực ngành nghề;

**ELO2 (K2):** Vận dụng được những quy luật cơ bản về cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý;

**ELO3 (K3):** Trình bày lại các nguyên tắc thực hành điều dưỡng, chăm sóc, phòng bệnh, chữa bệnh; lấy bệnh nhân và gia đình người bệnh làm trung tâm;

**ELO4 (K4):** Vận dụng sự tác động qua lại giữa môi trường và sức khỏe con người; các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

### ***Kỹ năng***

**ELO5 (S1):** Sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết vấn đề.

**ELO6 (S2):** Giao tiếp hiệu quả trong các bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau

**ELO7 (S3):** Sử dụng quy trình điều dưỡng để lập kế hoạch chăm sóc tạo sự an toàn khi chăm sóc người bệnh, tiến hành kỹ thuật chăm sóc đúng quy trình;

**ELO8 (S4):** Sử dụng nguồn tài nguyên thích hợp, cải tiến chất lượng dựa vào bằng chứng và quản lý nguy cơ trong môi trường chăm sóc

### ***Thái độ***

**ELO9 (A1):** Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội

**ELO10 (A2):** Thích ứng sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời.



14. Mối liên hệ giữa Năng lực cần đạt của sinh viên tốt nghiệp (Graduate Attributes -GAs) với Mục tiêu (Program Educational Objectives – PEOs) và Kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo (Program Expected Learning Outcomes – ELOs)

14.1. Mối liên hệ giữa năng lực cần đạt của sinh viên tốt nghiệp với mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo

| Năng lực cần đạt của SVTN (GAs) | Mục tiêu của CTĐT (PEOs) |      |      |      |      | Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs) |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
|---------------------------------|--------------------------|------|------|------|------|--------------------------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|
|                                 | PEO1                     | PEO2 | PEO3 | PEO4 | PEO5 | ELO1                                                   | ELO2 | ELO3 | ELO4 | ELO5 | ELO6 | ELO7 | ELO8 | ELO9 | ELO10 |
| GA1                             | ✓                        |      | ✓    |      |      | ✓                                                      | ✓    | ✓    | ✓    |      |      | ✓    |      |      |       |
| GA2                             |                          |      |      | ✓    | ✓    |                                                        |      |      |      | ✓    | ✓    |      | ✓    |      |       |
| GA3                             | ✓                        |      |      |      |      |                                                        |      |      |      |      |      |      |      | ✓    | ✓     |

14.2. Mối liên hệ giữa mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo

| Mục tiêu của CTĐT (PEOs) | Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs) |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
|--------------------------|--------------------------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|
|                          | ELO1                                                   | ELO2 | ELO3 | ELO4 | ELO5 | ELO6 | ELO7 | ELO8 | ELO9 | ELO10 |
| PEO1                     |                                                        |      |      |      |      |      |      |      | ✓    | ✓     |
| PEO2                     | ✓                                                      | ✓    | ✓    | ✓    |      |      | ✓    |      |      |       |
| PEO3                     | ✓                                                      | ✓    | ✓    | ✓    |      |      | ✓    |      |      |       |
| PEO4                     |                                                        |      |      |      | ✓    | ✓    |      | ✓    |      |       |
| PEO5                     |                                                        |      |      |      | ✓    | ✓    |      | ✓    |      |       |

14.3. *Mối liên hệ của các học phần/môn học trong việc hình thành năng lực sinh viên tốt nghiệp*

| CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA SVTN  | CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE                                     | THỜI LƯỢNG       |            |                                                                                                                  |
|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                     | Tên                                                               | Số lượng môn     | Số tín chỉ | Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ                                                                                         |
| KỸ NĂNG THỰC HÀNH CHĂM SÓC SỨC KHOẺ | Vật lý đại cương và lý sinh                                       | 32 môn lý thuyết | 71 tín chỉ | <i>CTĐT</i><br><i>Tiếng Anh,</i><br><i>Tiếng Đức:</i><br>45.8%<br><br><i>CTĐT</i><br><i>Tiếng Nhật:</i><br>44.9% |
|                                     | Hoá đại cương                                                     |                  |            |                                                                                                                  |
|                                     | Sinh học di truyền                                                |                  |            |                                                                                                                  |
|                                     | Vật lý đại cương và lý sinh                                       |                  |            |                                                                                                                  |
|                                     | Giải phẫu                                                         |                  |            |                                                                                                                  |
|                                     | Sinh lý                                                           |                  |            |                                                                                                                  |
|                                     | Sinh lý bệnh – miễn dịch                                          |                  |            |                                                                                                                  |
|                                     | Hoá sinh                                                          |                  |            |                                                                                                                  |
|                                     | Vì sinh – ký sinh trùng                                           |                  |            |                                                                                                                  |
|                                     | Dược lý điều dưỡng                                                |                  |            |                                                                                                                  |
|                                     | Điều dưỡng cơ bản 1                                               |                  |            |                                                                                                                  |
|                                     | Điều dưỡng cơ bản 2                                               |                  |            |                                                                                                                  |
|                                     | Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1                    |                  |            |                                                                                                                  |
|                                     | Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2                    |                  |            |                                                                                                                  |
|                                     | Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1                  |                  |            |                                                                                                                  |
|                                     | Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2                  |                  |            |                                                                                                                  |
|                                     | Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1                     |                  |            |                                                                                                                  |
|                                     | Chăm sóc sức khỏe trẻ 1                                           |                  |            |                                                                                                                  |
|                                     | Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1                       |                  |            |                                                                                                                  |
|                                     | Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực                  |                  |            |                                                                                                                  |
|                                     | Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2                                        |                  |            |                                                                                                                  |
|                                     | Chăm sóc sức khỏe tâm thần                                        |                  |            |                                                                                                                  |
|                                     | Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 1                                |                  |            |                                                                                                                  |
|                                     | Dinh dưỡng và tiết chế                                            |                  |            |                                                                                                                  |
|                                     | Sức khỏe và môi trường                                            |                  |            |                                                                                                                  |
|                                     | Giáo dục sức khỏe và kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng |                  |            |                                                                                                                  |
|                                     | Chăm sóc sức khỏe cộng đồng                                       |                  |            |                                                                                                                  |



| CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA SVTN         | CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE                       |                 | THỜI LƯỢNG |                                           |
|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------|------------|-------------------------------------------|
|                                            | Tên                                                 | Số lượng môn    | Số tín chỉ | Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ                  |
|                                            | Chăm sóc phục hồi chức năng                         |                 |            |                                           |
|                                            | Kỹ năng giao tiếp                                   |                 |            |                                           |
|                                            | Tâm lý y học – Y đức                                |                 |            |                                           |
|                                            | Y học cổ truyền                                     |                 |            |                                           |
|                                            | Sức khỏe và môi trường                              |                 |            |                                           |
|                                            | Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1-TH   | 8 Môn thực hành | 16 tín chỉ | CTĐT<br>Tiếng Anh,<br>Tiếng Đức:<br>10.3% |
|                                            | Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2-TH   |                 |            |                                           |
|                                            | Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1-TH |                 |            |                                           |
|                                            | Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2-TH |                 |            |                                           |
|                                            | Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1-TH    |                 |            |                                           |
|                                            | Chăm sóc sức khỏe trẻ 1-TH                          |                 |            |                                           |
|                                            | Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1-TH      |                 |            |                                           |
|                                            | Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2-TH                       |                 |            |                                           |
| KỸ NĂNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC CHĂM SÓC SỨC KHOẺ | Tổ chức y tế và quản lý điều dưỡng                  | 6 môn lý thuyết | 16 tín chỉ | CTĐT<br>Tiếng Anh,<br>Tiếng Đức:<br>10.3% |
|                                            | Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng    |                 |            |                                           |
|                                            | Dịch tễ                                             |                 |            |                                           |
|                                            | Sức khỏe và môi trường                              |                 |            |                                           |
|                                            | Điều dưỡng cơ bản 1                                 |                 |            |                                           |
|                                            | Điều dưỡng cơ bản 2                                 |                 |            |                                           |
|                                            | Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1-TH   | 8 môn thực hành | 16 tín chỉ | CTĐT<br>Tiếng Anh,<br>Tiếng Đức:<br>10.3% |
|                                            | Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2-TH   |                 |            |                                           |
|                                            | Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1-TH |                 |            |                                           |
|                                            | Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2-TH |                 |            |                                           |

| CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA SVTN                                 | CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE                    |                                                   | THỜI LƯỢNG                                  |                                        |
|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------|
|                                                                    | Tên                                              | Số lượng môn                                      | Số tín chỉ                                  | Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ               |
|                                                                    | Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1-TH |                                                   |                                             | Nhật:<br>10.1%                         |
|                                                                    | Chăm sóc sức khỏe trẻ 1-TH                       |                                                   |                                             |                                        |
|                                                                    | Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1-TH   |                                                   |                                             |                                        |
|                                                                    | Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2-TH                    |                                                   |                                             |                                        |
| KỸ NĂNG HÀNH NGHỀ THEO PHÁP LUẬT VÀ TIÊU CHUẨN ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP | Khởi nghiệp                                      | CTĐT<br>Tiếng Anh, Tiếng Đức:<br>14 môn lý thuyết | CTĐT<br>Tiếng Anh, Tiếng Đức:<br>46 tín chỉ | CTĐT<br>Tiếng Anh, Tiếng Đức:<br>29.7% |
|                                                                    | Nhập môn ngành Điều dưỡng                        |                                                   |                                             |                                        |
|                                                                    | Ngoại ngữ cơ bản (6 cấp độ)                      |                                                   |                                             |                                        |
|                                                                    | Tin học MOS 1                                    |                                                   |                                             |                                        |
|                                                                    | Tin học MOS 2                                    |                                                   |                                             |                                        |
|                                                                    | Nghiên cứu khoa học trong thực hành điều dưỡng   |                                                   |                                             |                                        |
|                                                                    | Ngoại ngữ chuyên ngành                           |                                                   |                                             |                                        |
|                                                                    | Triết học Mác - Lê nin                           |                                                   |                                             |                                        |
|                                                                    | Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin                   |                                                   |                                             |                                        |
|                                                                    | Chủ nghĩa Xã hội khoa học                        |                                                   |                                             |                                        |
|                                                                    | Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam                   |                                                   |                                             |                                        |
|                                                                    | Tư tưởng Hồ Chí Minh                             |                                                   |                                             |                                        |
|                                                                    | Pháp luật đại cương                              |                                                   |                                             |                                        |
|                                                                    | Tâm lý y học – Y đức                             |                                                   |                                             |                                        |

*Trong đó:*

❖ **Ngoại ngữ cơ bản (6 cấp độ)**

*Đối với CTĐT Tiếng Anh*

- Tiếng Anh tổng quát 1
- Tiếng Anh tổng quát 2
- Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1
- Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2
- Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 3
- Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 4

*Đối với CTĐT Tiếng Đức*

- Tiếng Đức 1
- Tiếng Đức 2
- Tiếng Đức 3
- Tiếng Đức 4

sh

- Tiếng Đức 5

- Tiếng Đức 6

*Đối với CTĐT Tiếng Nhật*

- Tiếng Nhật\_Điều dưỡng 1

- Tiếng Nhật\_Điều dưỡng 2

- Tiếng Nhật\_Điều dưỡng 3

- Tiếng Nhật\_Điều dưỡng 4

- Tiếng Nhật\_Điều dưỡng 5

- Tiếng Nhật\_Điều dưỡng 6

❖ **Ngoại ngữ chuyên ngành**

*Đối với CTĐT Tiếng Anh:* Anh văn chuyên ngành

*Đối với CTĐT Tiếng Đức:* Tiếng Đức chuyên ngành Điều dưỡng

*Đối với CTĐT Tiếng Nhật:* Tiếng Nhật chuyên ngành Điều dưỡng 1, Tiếng Nhật chuyên ngành Điều dưỡng 2



## 15. Cấu trúc chương trình đào tạo

### Đối với CTĐT Tiếng Anh

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>CÁC MÔN ĐẠI CƯƠNG (21TC)</b><br><b>CHÍNH TRỊ (11TC)</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Triết học Mác - Lenin (3TC)</li> <li>2. Kinh tế Chính trị Mác - Lenin (2TC)</li> <li>3. Chủ nghĩa Xã hội khoa học (2TC)</li> <li>4. Lịch sử Đảng CSVN (2TC)</li> <li>5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC)</li> </ol> <b>KHOI NGHIỆP (2TC)</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khởi nghiệp</li> </ol> <b>PHÁP LUẬT (2TC)</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Pháp luật đại cương (2TC)</li> </ol> <b>KHOA HỌC TỰ NHIÊN (4TC)</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hóa đại cương (2TC)</li> <li>2. Xác suất thống kê y học (2TC)</li> </ol> <b>TỰ CHỌN (2TC)</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tâm lý học đại cương (2TC)</li> <li>2. Logic học (2TC)</li> <li>3. Tư duy sáng tạo (2TC)</li> </ol> | <b>BỘ TRỢ ĐẠI CƯƠNG (36TC)</b><br><b>NGOẠI NGỮ (18TC)</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tiếng Anh tổng quát 1 (3TC)</li> <li>2. Tiếng Anh tổng quát 2 (3TC)</li> <li>3. Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1 (3TC)</li> <li>4. Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2 (3TC)</li> <li>5. Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 3 (3TC)</li> <li>6. Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 4 (3TC)</li> </ol> <b>CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (4TC)</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tin học MOS 1 (2TC)</li> <li>2. Tin học MOS 2 (2TC)</li> </ol> <b>PHƯƠNG PHÁP - KỸ NĂNG (4TC)</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kỹ năng giao tiếp (2TC)</li> <li>2. Kỹ năng giao tiếp (HP2) (2TC)</li> </ol> |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>CÁC MÔN CƠ SỞ NGÀNH (30TC)</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Vật lý đại cương và lý sinh (2TC)</li> <li>2. Sinh học di truyền y (2TC)</li> <li>3. Tâm lý y học - y đức (2TC)</li> <li>4. Nhập môn ngành điều dưỡng (2TC)</li> <li>5. Giải phẫu (4TC)</li> <li>6. Sinh lý (2TC)</li> <li>7. Sinh lý bệnh - miễn dịch (2TC)</li> <li>8. Hóa sinh (2TC)</li> <li>9. Vi sinh - KST (2TC)</li> <li>10. Dược lý điều dưỡng (2TC)</li> <li>11. Dịch tễ học (1TC)</li> <li>12. Dinh dưỡng - tiết chế (1TC)</li> <li>13. Y học cổ truyền (2TC)</li> <li>14. SK và môi trường (2TC)</li> <li>15. NCKH trong thực hành ĐD (2TC)</li> </ol> |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                                                                                                                                                               |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>CÁC MÔN ĐIỀU KIỆN (13TC)</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giáo dục thể chất (3TC)</li> <li>2. Giáo dục quốc phòng và an ninh (3TC)</li> </ol> |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH (66TC)</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Anh văn chuyên ngành (3TC)</li> <li>2. Điều dưỡng cơ bản 1 (3TC)</li> <li>3. Điều dưỡng cơ bản 2 (3TC)</li> <li>4. CSSKNL có bệnh Nội khoa 1 (2TC)</li> <li>5. CSSKNL có bệnh Nội khoa 1 - TH (2TC)</li> <li>6. CSSKNL có bệnh Nội khoa 2 (2TC)</li> <li>7. CSSKNL có bệnh Nội khoa 2 - TH (2TC)</li> <li>8. CSSKNL có bệnh Ngoại khoa 1 (2TC)</li> <li>9. CSSKNL có bệnh Ngoại khoa 1 - TH (2TC)</li> <li>10. CSSKNL có bệnh Ngoại khoa 2 (2TC)</li> <li>11. CSSKNL có bệnh Ngoại khoa 2 - TH (2TC)</li> <li>12. CSSK phụ nữ, bà mẹ và GD 1 (2TC)</li> <li>13. CSSK phụ nữ, bà mẹ và GD 1 - TH (2TC)</li> <li>14. CSSK trẻ em 1 (2TC)</li> <li>15. CSSK trẻ em 1-TH (2TC)</li> <li>16. CSSK NB truyền nhiễm 1 (2TC)</li> <li>17. CSSK NB truyền nhiễm 1 - TH (2TC)</li> <li>18. CSSK cộng đồng (1TC)</li> <li>19. CSSK cộng đồng - TH (2TC)</li> <li>20. CSNBCC và CS tích cực (2TC)</li> <li>21. CS hồi sức cấp cứu 2 (2TC)</li> <li>22. CS hồi sức cấp cứu 2 - TH (2TC)</li> <li>23. CSSK người cao tuổi 1 (2TC)</li> <li>24. CSSK tâm thần (2TC)</li> <li>25. Chăm sóc học hồi chức năng (2TC)</li> <li>26. KSNK trong TH điều dưỡng (1TC)</li> <li>27. GDSK&amp;KNGT trong TH điều dưỡng (3TC)</li> <li>28. Tổ chức y tế và QL ĐD (2TC)</li> </ol> <p>Tự chọn: 4TC</p> |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>ĐIỀU DƯỠNG (155TC)</b>                                                                                                                                                                                                                     | <b>TỰ CHỌN CHUYÊN NGÀNH (4TC)</b><br>1. CSSKNB truyền nhiễm 2 (2TC)<br>2. CSSK truyền nhiễm 2 - TH (2TC)<br>3. CSSK người cao tuổi 2 (2TC)<br>4. CSSK người cao tuổi 2 - TH (2TC)<br>5. CSSK phụ nữ, bà mẹ và GD 2 (2TC)<br>6. CSSK phụ nữ, bà mẹ và GD 2 - TH (2TC)<br>7. CSSK trẻ em 2 (2TC)<br>8. CSSK trẻ em 2-TH (2TC) |
| <b>TỐT NGHIỆP (12TC)</b><br>1. Thực tập TN (5TC)<br>Lựa chọn 1 (7TC)<br>KL TN hoặc môn thay thế (3TC)<br>Lựa chọn 2 (7TC)<br>1. Đồ án chuyên ngành ĐD (3TC)<br>2. CSSKNL bệnh ngoại khoa 3 - TH (2TC)<br>3. CSSKNL bệnh nội khoa 3 - TH (2TC) |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

## Đối với CTĐT Tiếng Đức

### CÁC MÔN ĐẠI CƯƠNG (21TC) CHÍNH TRỊ (11TC)

1. Triết học Mác-Lenin (3TC)
2. Kinh tế Chính trị Mác-Lenin (2TC)
3. Chủ nghĩa Xã hội Khoa học (2TC)
4. Lịch sử Đảng CSVN (2TC)
5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC)

### KHOA HỌC TỰ NHIÊN (4TC)

#### TỰ CHỌN (2TC)

1. Khoa nghiệp
- PHÁP LUẬT (2TC)
1. Pháp luật đại cương (2TC)
- KHOA HỌC TỰ NHIÊN (4TC)
1. Hóa đại cương (2TC)
2. Xác suất thống kê y học (2TC)
- TỰ CHỌN (2TC)
1. Tàn lý học đại cương (2TC)
2. Logic học (2TC)
3. Tư duy sáng tạo (2TC)

### BỘ TRỢ ĐẠI CƯƠNG (26TC) NGOẠI NGỮ (18TC)

1. Tiếng Đức 1 (3TC)
2. Tiếng Đức 2 (3TC)
3. Tiếng Đức 3 (3TC)
4. Tiếng Đức 4 (3TC)
5. Tiếng Đức 5 (3TC)
6. Tiếng Đức 6 (3TC)

### CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (4TC)

1. Tin học MOS 1 (2TC)
2. Tin học MOS 2 (2TC)
- PHƯƠNG PHÁP - KỸ NĂNG (4TC)
1. Kỹ năng giao tiếp (2TC)
2. Kỹ năng giao tiếp (HP2) (2TC)

### CÁC MÔN CƠ SỞ NGÀNH (30TC)

1. Vật lý đại cương và lý sinh (2TC)
2. Sinh học di truyền y (2TC)
3. Tâm lý học - y đức (2TC)
4. Nhập môn ngành điều dưỡng (2TC)
5. Giải phẫu (4TC)
6. Sinh lý (2TC)
7. Sinh lý bệnh - miễn dịch (2TC)
8. Hóa sinh (2TC)
9. Vi sinh - KST (2TC)
10. Dược lý điều dưỡng (2TC)
11. Dịch tễ học (1TC)
12. Dinh dưỡng - tiết chế (1TC)
13. Y học cổ truyền (2TC)
14. SK và môi trường (2TC)
15. NCKH trong thực hành ĐD (2TC)

### CÁC MÔN ĐIỀU KIỆN (13TC)

1. Giáo dục thể chất (3TC)
2. Giáo dục quốc phòng và an ninh (8TC)

### CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH (66TC)

1. Tiếng Đức chuyên ngành ĐD (3TC)
2. Điều dưỡng cơ bản 1 (3TC)
3. Điều dưỡng cơ bản 2 (3TC)
4. CSSKNL cơ bệnh Nội khoa 1 (2TC)
5. CSSKNL cơ bệnh Nội khoa 1 - TH (2TC)
6. CSSKNL cơ bệnh Nội khoa 2 (2TC)
7. CSSKNL cơ bệnh Nội khoa 2 - TH (2TC)
8. CSSKNL cơ bệnh Ngoại khoa 1 (2TC)
9. CSSKNL cơ bệnh Ngoại khoa 1 - TH (2TC)
10. CSSKNL cơ bệnh Ngoại khoa 2 (2TC)
11. CSSKNL cơ bệnh Ngoại khoa 2 - TH (2TC)
12. CSSK phụ nữ, bà mẹ và GD 1 (2TC)
13. CSSK phụ nữ, bà mẹ và GD 1 - TH (2TC)
14. CSSK trẻ em 1 (2TC)
15. CSSK trẻ em 1-TH (2TC)
16. CSSK NB truyền nhiễm 1 (2TC)
17. CSSK NB truyền nhiễm 1 - TH (2TC)
18. CSSK cộng đồng (1TC)
19. CSSK công đồng - TH (2TC)
20. CSNBCC và CS tích cực (2TC)
21. CS hồi sức cấp cứu 2 (2TC)
22. CS hồi sức cấp cứu 2 - TH (2TC)
23. CSSK người cao tuổi 1 (2TC)
24. CSSK tâm thần (2TC)
25. Chăm sóc phục hồi chức năng (2TC)
26. KSNK trong TH điều dưỡng (1TC)
27. GDSK&KNGT trong TH điều dưỡng (3TC)
28. Tổ chức y tế và QL ĐD (2TC)

Tự chọn: 4TC

### ĐIỀU DƯỠNG (155TC)

#### TỰ CHỌN CHUYÊN NGÀNH (4TC)

1. CSSKNB truyền nhiễm 2 (2TC)
2. CSSK truyền nhiễm 2 - TH (2TC)
3. CSSK người cao tuổi 2 (2TC)
4. CSSK người cao tuổi 2 - TH (2TC)
5. CSSK phụ nữ, bà mẹ và GD 2 (2TC)
6. CSSK phụ nữ, bà mẹ và GD 2 - TH (2TC)
7. CSSK trẻ em 2 (2TC)
8. CSSK trẻ em 2-TH (2TC)

#### TÓI NGHIỆP (12TC)

1. Thực tập TN (3TC)
- Lựa chọn 1 (7TC)
1. KL TN hoặc mẫu thay thế (7TC)
- Lựa chọn 2 (7TC)
1. Đồ án chuyên ngành ĐD (3TC)
2. CSSKNL bệnh ngoại khoa 3 - TH (2TC)
3. CSSKNL bệnh nội khoa 3 - TH (2TC)



## Đối với CTĐT Tiếng Nhật

### CÁC MÔN ĐẠI CƯƠNG (21TC) CHÍNH TRỊ (11TC)

1. Triết học Mác Lenin (3TC)
2. Kinh tế Chính trị Mác Lenin (2TC)
3. Chủ nghĩa Xã hội khoa học (2TC)
4. Lịch sử Đảng CSVN (2TC)
5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC)

### KHOI NGHIỆP (2TC)

1. Khởi nghiệp

### PHÁP LUẬT (2TC)

1. Pháp luật đại cương (2TC)

### KHOA HỌC TỰ NHIÊN (4TC)

1. Hóa đại cương (2TC)
2. Xác suất thống kê y học (2TC)

### TỰ CHỌN (2TC)

1. Tâm lý học đại cương (2TC)
2. Logic học (2TC)
3. Tư duy sáng tạo (2TC)

### BỒ TRỢ ĐẠI CƯƠNG (26TC) NGOẠI NGỮ (18TC)

1. Tiếng Nhật 1 \_ Điều dưỡng 1 (3TC)
2. Tiếng Nhật 2 \_ Điều dưỡng 2 (3TC)
3. Tiếng Nhật 3 \_ Điều dưỡng 3 (3TC)
4. Tiếng Nhật 4 \_ Điều dưỡng 4 (3TC)
5. Tiếng Nhật 5 \_ Điều dưỡng 5 (3TC)
6. Tiếng Nhật 6 \_ Điều dưỡng 6 (3TC)

### CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (4TC)

1. Tin học MOS 1 (2TC)
2. Tin học MOS 2 (2TC)

### PHƯƠNG PHÁP - KỸ NĂNG (4TC)

1. Kỹ năng giao tiếp (2TC)
2. Kỹ năng giao tiếp (HP2) (2TC)

### CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH (69TC)

1. Tiếng Nhật chuyên ngành ĐD 1 (3CT)
2. Tiếng Nhật chuyên ngành ĐD 2 (3CT)
3. Điều dưỡng cơ bản 1 (5TC)
4. Điều dưỡng cơ bản 2 (5TC)
5. CSSKNL có bệnh Nội khoa 1 (2TC)
6. CSSKNL có bệnh Nội khoa 1 - TH (2TC)
7. CSSKNL có bệnh Nội khoa 2 (2TC)
8. CSSKNL có bệnh Nội khoa 2 - TH (2TC)
9. CSSKNL có bệnh Ngoại khoa 1 (2TC)
10. CSSKNL có bệnh Ngoại khoa 1 - TH (2TC)
11. CSSKNL có bệnh Ngoại khoa 2 (2TC)
12. CSSKNL có bệnh Ngoại khoa 2 - TH (2TC)

13. CSSK phụ nữ, bà mẹ và GD 1 (2TC)

14. CSSK phụ nữ, bà mẹ và GD 1 - TH (2TC)

15. CSSK trẻ em 1 (2TC)

16. CSSK trẻ em 1-TH (2TC)

17. CSSK NB truyền nhiễm 1 (2TC)

18. CSSK NB truyền nhiễm 1 - TH (2TC)

19. CSSK cộng đồng (1TC)

20. CSSK cộng đồng - TH (2TC)

21. CSNBCC và CS tích cực (2TC)

22. CS hồi sức cấp cứu 2 (2TC)

23. CS hồi sức cấp cứu 2 - TH (2TC)

24. CSSK người cao tuổi 1 (2TC)

25. CSSK tâm thần (2TC)

26. Phục hồi chức năng (2TC)

27. KSNK trong TH điều dưỡng (1TC)

28. GDSK&KNGT trong TH điều dưỡng (3TC)

29. Tổ chức y tế và QL ĐD (2TC)

- Tự chọn: 4TC

### ĐIỀU DƯỠNG (158TC)

#### TỰ CHỌN CHUYÊN NGÀNH (4TC)

1. CSSKNB truyền nhiễm 2 (2TC)
2. CSSK truyền nhiễm 2 - TH (2TC)
3. CSSK người cao tuổi 2 (2TC)
4. CSSK người cao tuổi 2 - TH (2TC)
5. CSSK phụ nữ, bà mẹ và GD 2 (2TC)
6. CSSK phụ nữ, bà mẹ và GD 2 - TH (2TC)
7. CSSK trẻ em 2 (2TC)
8. CSSK trẻ em 2-TH (2TC)

#### TỐT NGHIỆP (12TC)

1. Thực tập TN (5TC)

- Lựa chọn 1 (7TC)

1. KL TN hoặc môn thay thế (7TC)

- Lựa chọn 2 (7TC)

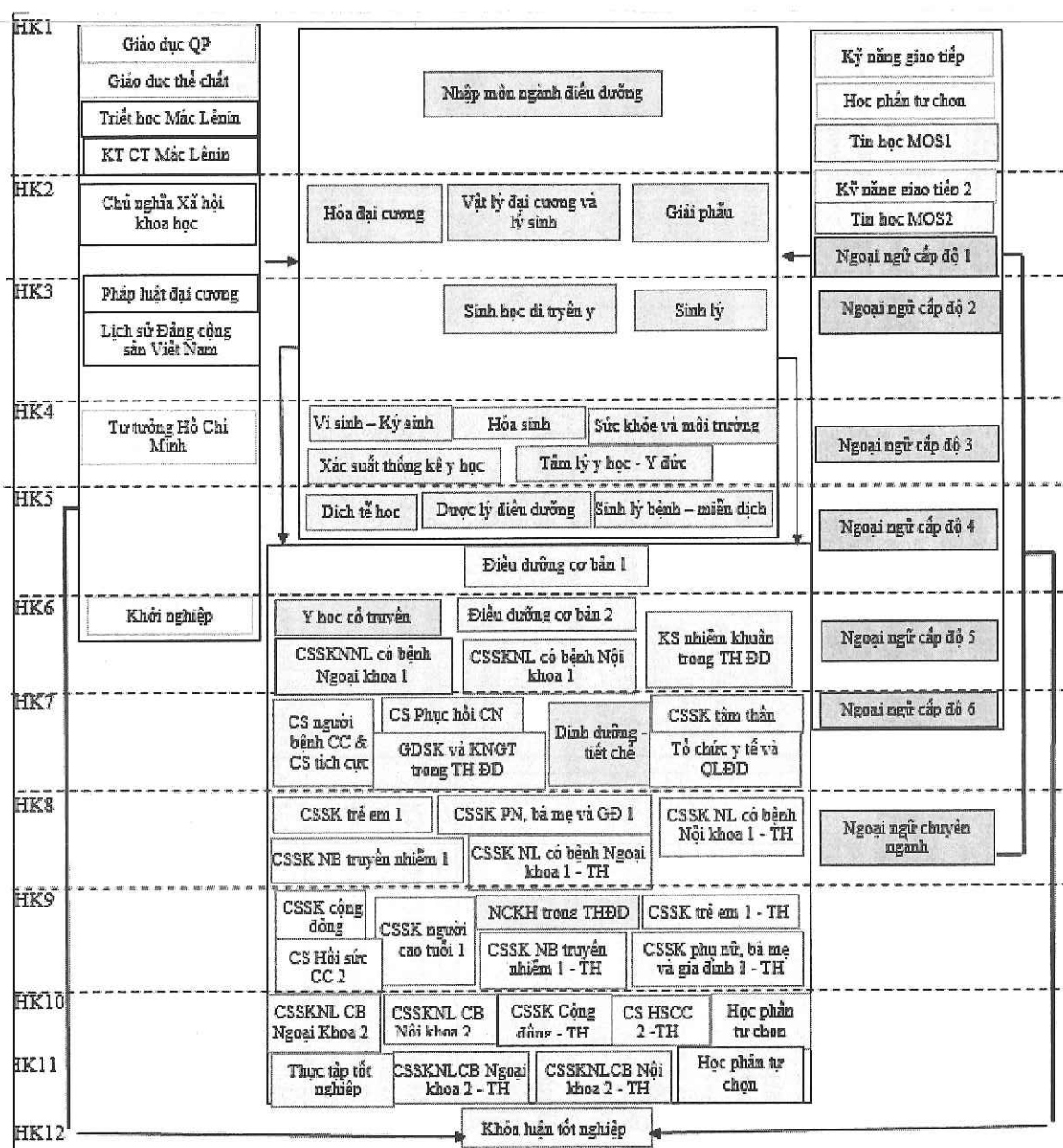
1. Đồ án chuyên ngành ĐD (3TC)

2. CSSKNL bệnh ngoại khoa 3 - TH (2TC)

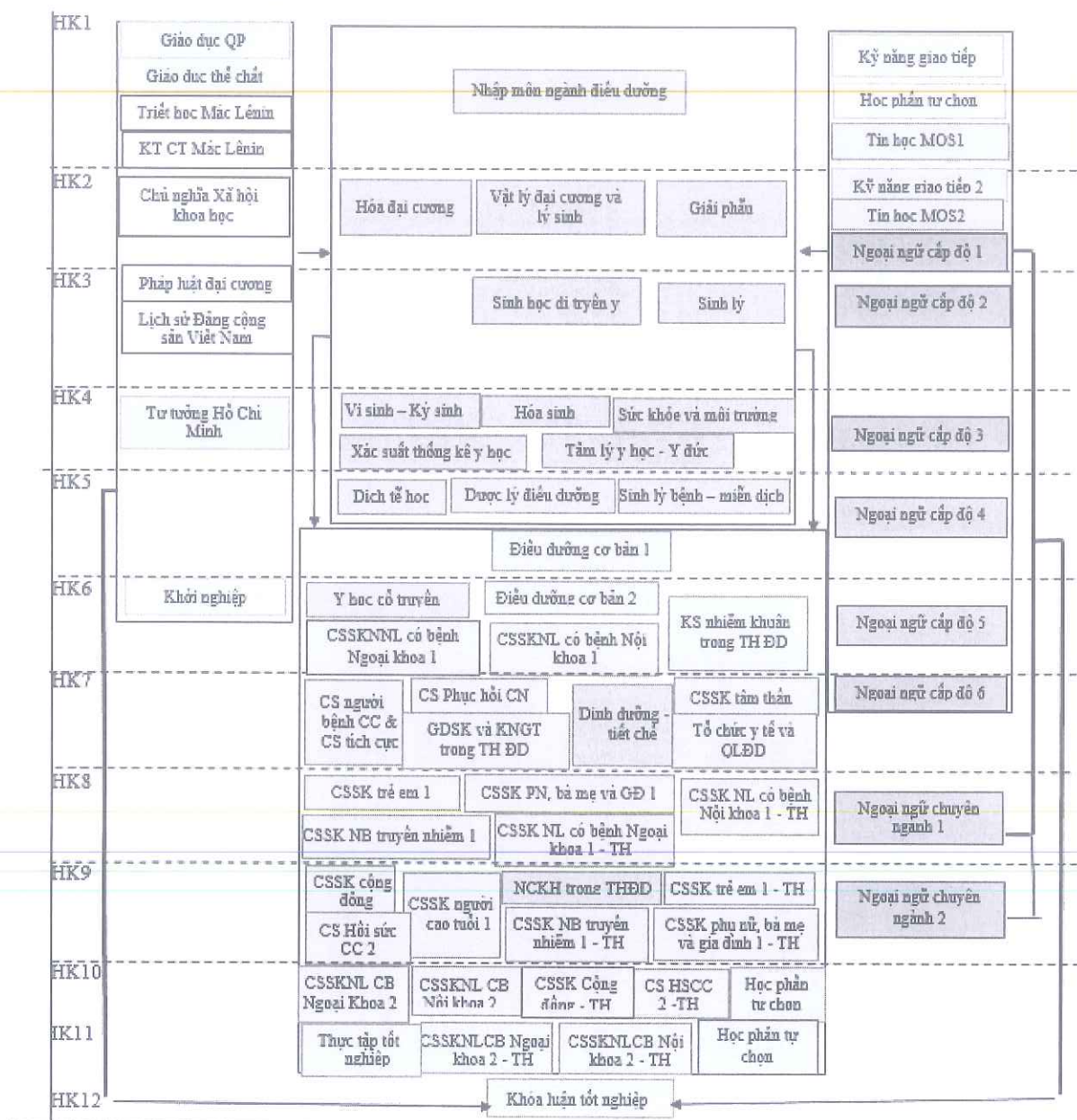
3. CSSKNL bệnh nội khoa 3 - TH (2TC)



## 16. Sơ đồ hóa Kế hoạch đào tạo Đối với CTĐT Tiếng Anh, Tiếng Đức



## Đối với CTĐT Tiếng Nhật





## 17. Đối sánh chương trình đào tạo

### 17.1. Đối sánh Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra

| TT | KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành                                                                                                 | KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Nhận xét | KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường ĐH Y Dược Cần Thơ                                                                                | Nhận xét |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1  | Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, văn hóa, chính trị, pháp luật, và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực ngành nghề; | Vận dụng các khái niệm cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của ĐCSVN trong công tác chăm sóc sức khỏe                                                                                                                                                                                                                                                                              | 90%      | Người điều dưỡng có kiến thức vững vàng về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chuyên ngành về khối ngành khoa học sức khỏe và ngành điều dưỡng | 90%      |
| 2  | Vận dụng được những quy luật cơ bản về cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý;                                        | Giải thích được cấu trúc, chức năng và sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần con người qua các giai đoạn phát triển trong môi trường tác với môi trường tự nhiên và xã hội<br>Giải thích được mối tương quan giữa cấu trúc và chức năng của cơ thể, giữa các hệ thống cơ quan trong điều kiện bình thường và bệnh lý, cơ chế các triệu chứng, các yếu tố tiên lượng của các bất thường và bệnh lý các lứa tuổi | 99%      | Người điều dưỡng có kiến thức vững vàng về khoa học chuyên ngành về khối ngành khoa học sức khỏe và ngành điều dưỡng                                     | 90%      |
| 3  | Trình bày lại các nguyên tắc thực hành điều dưỡng, chăm sóc, phòng bệnh, chữa bệnh;                                                                                         | Áp dụng quy trình điều dưỡng để lập kế hoạch chăm sóc can thiệp điều dưỡng an toàn liên tục cho cá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 95%      | các nguyên tắc thực hành điều dưỡng, chăm sóc; lấy người bệnh và gia đình làm trung tâm                                                                  | 99%      |



| TT | KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành                                                                                              | KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường Đại học Y Dược Chí Minh                                       | Nhận xét | Nhận xét |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|
|    | Vận dụng sự tác động qua lại giữa môi trường và sức khỏe con người; các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. | Thực hiện truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng phù hợp                       | 95%      | 99%      |
| 4  | Vận dụng sự tác động qua lại giữa môi trường và sức khỏe con người; các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. | Thực hiện truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng phù hợp                       | 95%      | 99%      |
| 5  | Sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết vấn đề.                                                                                                                             | Nhận định đúng, kịp thời và thực hiện sơ cấp cứu hiệu quả khi có tình huống khẩn, cấp cứu tại cơ sở y tế và cộng đồng | 95%      | 90%      |
| 6  | Giao tiếp hiệu quả trong các bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau                                                                                                    | Giao tiếp, phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh, gia đình, và cộng đồng                                      | 99%      | 90%      |

| TT | KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành                                                              | KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường Đại học Y Dược Chí Minh                                                                                                                                                                                                                       | Nhận xét | KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường ĐH Y Dược Cần Thơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Nhận xét |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|    |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |          | lý hợp lý, phối hợp với thầy thuốc để chăm sóc và nâng cao sức khỏe người bệnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |          |
| 7  | Sử dụng quy trình điều dưỡng để lập kế hoạch chăm sóc tạo sự an toàn khi chăm sóc người bệnh, tiến hành kỹ thuật chăm sóc đúng quy trình | Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng đúng quy trình phù hợp với vai trò chức năng người điều dưỡng; đảm bảo liên tục, an toàn, hiệu quả, tôn trọng tính cá biệt của người bệnh                                                                                                                           | 99%      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đầy đủ và thành thạo, lập kế hoạch thực hiện và tổ chức thực hiện quy trình điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh.</li> <li>- Thực hành đảm bảo an toàn, đảm bảo chất lượng chăm sóc toàn diện ổn định và liên tục. Cung cấp môi trường chăm sóc an toàn và quản lý nguy cơ.</li> <li>- Sử dụng thuốc hợp lý, an toàn.</li> </ul> | 95%      |
| 8  | Sử dụng nguồn tài nguyên thích hợp, cải tiến chất lượng dựa vào bằng chứng và quản lý nguy cơ trong môi trường chăm sóc                  | <p>Xác định các nguyên tắc cơ bản và tham gia quản lý công tác chăm sóc người bệnh, quản lý hồ sơ bệnh án, môi trường chăm sóc, thiết bị y tế và các nguồn lực khác phù hợp với chức năng điều dưỡng</p> <p>Tham gia nghiên cứu khoa học và áp dụng cải tiến chất lượng trong chăm sóc người bệnh</p> | 95%      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành chăm sóc phù hợp với văn hóa người bệnh. Có đủ khả năng cung cấp và hợp tác trong chăm sóc, thông tin giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng. Thực hiện các mối quan hệ hợp tác với nhóm chăm sóc sức khỏe.</li> </ul>                                                                                             | 90%      |

| TT | KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành                                                 | KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh                                                                                                                          | Nhận xét | KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường ĐH Y Dược Cần Thơ                                                                                                                                                                                                      | Nhận xét |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 9  | Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội                                    | Tôn trọng và tuân thủ các quy định của pháp luật, quy tắc an toàn trong môi trường lao động, chuẩn đạo đức nghề nghiệp điều dưỡng trong thực hành chăm sóc                                                            | 99%      | Người điều dưỡng thực hành nghề nghiệp theo luật pháp, chính sách của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân. - Trung thực, khách quan, thận trọng, ý thức làm việc hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp, chân thành hợp tác với đồng nghiệp. | 99%      |
| 10 | Thích ứng sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời. | Sử dụng tiếng Anh để giao tiếp, đọc, hiểu được chuyên môn phục vụ cho quản lý, nghiên cứu khoa học và chăm sóc người bệnh<br>Có kỹ năng rèn luyện sức khỏe và phòng vệ căn bản để học tập và làm việc bảo vệ Tổ quốc. | 95%      | Có ý thức phát triển nghề nghiệp, học tập liên tục và suốt đời.                                                                                                                                                                                                                | 95%      |



17.2. Đối sánh chương trình đào tạo

| Nội dung đối sánh                               | CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành                                                                                                  | CTĐT ngành..của Trường ĐH Y được TPHCM       | CTĐT ngành..của Trường ĐH Y Dược Cần Thơ     | Nhận xét                                                                                          |
|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tổng số tín chỉ                                 | Đối với CTĐT Tiếng Anh, Tiếng Đức: 155 tín chỉ (Không tính GDTC và GDQP)<br>Đối với CTĐT Tiếng Nhật: 158 tín chỉ (Không tính GDTC và GDQP) | 143 tín chỉ                                  | 141 tín chỉ                                  | Tổng tín chỉ trong CTĐT của trường ĐHNHTT cao hơn; Phân bổ tín chỉ của CTĐT giữa có sự tương đồng |
| Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)   |                                                                                                                                            |                                              |                                              |                                                                                                   |
| - Học phần đại cương                            | 24 môn/47 tín chỉ                                                                                                                          | 11/26 tín chỉ                                | 18/42 tín chỉ                                |                                                                                                   |
| - Học phần cơ sở ngành                          | 15 môn/30 tín chỉ                                                                                                                          | 11/24 tín chỉ                                | 13/31 tín chỉ                                |                                                                                                   |
| - Học phần chuyên ngành                         | Đối với CTĐT Tiếng Anh, Tiếng Đức: 36 môn/66 tín chỉ<br>Đối với CTĐT Tiếng Nhật: 37 môn/69 tín chỉ                                         | 26/69 tín chỉ                                | 24/64 tín chỉ                                |                                                                                                   |
| - Học phần tốt nghiệp                           | 2 môn/12 tín chỉ                                                                                                                           | 4/12 tín chỉ                                 | 1/4 tín chỉ                                  |                                                                                                   |
| Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo (nếu có) | Không                                                                                                                                      | Không                                        | Không                                        |                                                                                                   |
| Phương pháp giảng dạy/học tập                   | Lý thuyết, thực hành, thực tập tại bệnh viện                                                                                               | Lý thuyết, thực hành, thực tập tại bệnh viện | Lý thuyết, thực hành, thực tập tại bệnh viện |                                                                                                   |
| Học phí                                         | Không đối sánh                                                                                                                             | Không đối sánh                               | Không đối sánh                               | Tùy vào chính                                                                                     |

| Nội dung đối sánh          | CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành | CTĐT ngành của Trường ĐH Y dược TPHCM | CTĐT ngành của Trường ĐH Y Dược Cần Thơ | Nhận xét             |
|----------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------|
|                            |                                           |                                       |                                         | sách của từng trường |
| Các đối sánh khác (nếu có) | Không đối sánh                            | Không đối sánh                        | Không đối sánh                          |                      |

## 18. Tầm nhìn và sứ mạng

### Tầm nhìn và sứ mạng của Trường:

**Tầm nhìn:** Đến năm 2035, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành trở thành Đại học ứng dụng đa ngành, đa lĩnh vực có tính hội nhập cao, đào tạo nguồn nhân lực gắn với nhu cầu trong và ngoài nước, đáp ứng cách mạng công nghiệp 4.0, đạt chuẩn khu vực và quốc tế.

**Sứ mạng:** Trường Đại học Nguyễn Tất Thành cung cấp nguồn nhân lực có năng lực khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hội nhập, có sức cạnh tranh cao trong thị trường lao động trong và ngoài nước thông qua hoạt động đào tạo, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, phục vụ cộng đồng, xã hội dựa trên liên minh chiến lược gắn kết với các doanh nghiệp và các viện nghiên cứu.

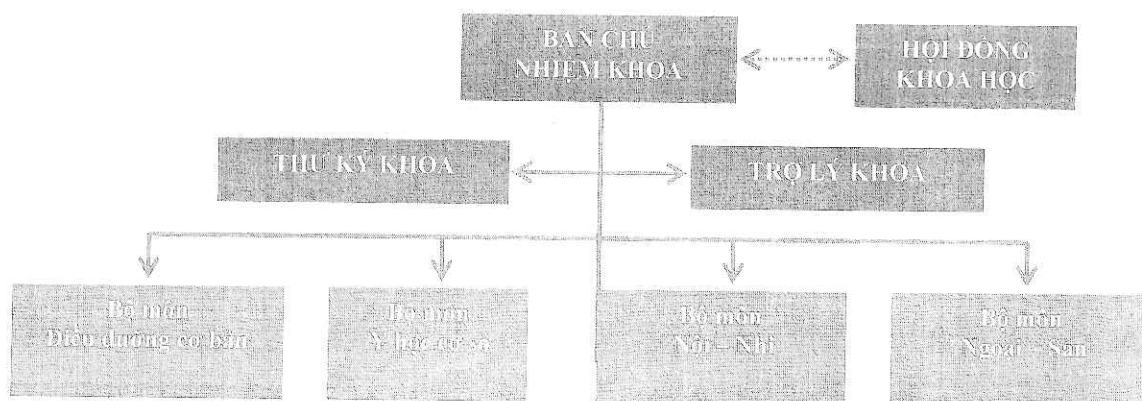
### Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa:

**Tầm nhìn:** Phân đầu đến năm 2022 đào tạo sinh viên điều dưỡng có kiến thức, kỹ năng, thái độ thực hành chăm sóc hướng đến chăm sóc sức khỏe người dân theo tiêu chuẩn năng lực đạt chuẩn quốc gia, và khu vực cộng đồng Asian. Đào tạo cán bộ y tế có năng lực học tập vươn lên, tận tụy với nhiệm vụ, đáp ứng tốt nhất nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân mọi lúc, mọi nơi, tạo ra môi trường sáng tạo và đổi mới, mang đến cho sinh viên sự trưởng thành về nhân cách và năng lực để có thể đối đầu với mọi thách thức, thích ứng với mọi thay đổi, có thái độ ứng xử đúng đắn và trách nhiệm với xã hội

### Sứ mạng:

- Cam kết đào tạo nguồn nhân lực điều dưỡng đạt chuẩn quốc gia, có uy tín trong nước và khu vực.
- Tạo lập môi trường học tập tích cực và trải nghiệm thực tiễn với phương châm học đi đôi với hành, lấy sinh viên làm trung tâm

## 19. Sơ đồ tổ chức Khoa



Ghi chú: <-.-> Mối quan hệ hỗ trợ

→ Mối quan hệ quản lý



## 20. Thông tin liên hệ

### Khoa Điều dưỡng – Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

- Lầu 5 tòa nhà, 300A Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Tp.HCM
- Điện thoại: (028) 62619445
- Fax: (08) 39404759
- Website: dd.ntt.edu.vn

## 21. Thời điểm thiết kế/ điều chỉnh Bản mô tả chương trình đào tạo tiếp theo (dự kiến) 2023

KI. HIỆU TRƯỞNG *du*



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

*TS. Trần Chiên Lưu*

TRƯỞNG KHOA

*Chieu*

*TS.ĐD. Trần Chi Châu*

10

